TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lương Thanh Huyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Hùng;
2. Ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Cán bộ Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26/10/2016 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 28/12/2016, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST - HNGĐ ngày 16/01/2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn L.**
Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện SD, tỉnh TQ.
(Có mặt)

* *Bị đơn:* Chị **Lăng Thị T** *(Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).*
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã Đ, huyện SD, tỉnh TQ.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Lăng Thị T về chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn xong vợ chồng làm ăn và sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện SD, tỉnh TQ. Cuộc sống chung giữa anh và chị T không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh và chị T luôn bất đồng về quan điểm và lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, mắng chửi nhau. Đến năm 2006 chị T bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Anh không xác định được ngày tháng cụ thể chị T bỏ đi mà chỉ nhớ vào năm 2006. Anh cũng đã đi tìm, hỏi thăm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của chị T cho nên anh đã làm đơn yêu

cầu Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Ngày 30/8/2016 Toà án huyện Sơn Dương đã tuyên bố chị T mất tích kể từ ngày 01/01/2007. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lăng Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/8/2001 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/9/2004, từ khi chị T bỏ đi không có tin tức cho đến nay các cháu vẫn sống cùng với anh, nên anh đề nghị Tòa án giao các cháu cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2006 chị T bỏ đi biệt tích từ đó đến nay không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án , Viện kiểm sát nhận định như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11, 12, 14, 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L; không công nhận anh nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T là vợ chồng; giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/8/2001 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/9/2004 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh L phải nộp án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định :

Tại Quyết định số: 09/2016/VDS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thể hiện, chị Lăng Thị T đã bỏ đi biệt tích từ năm 2006, khi đi chị T không khai báo tạm trú tạm vắng; anh Nguyễn Văn L đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Tiếng nói Việt Nam, báo Công lý nhưng không thấy chị T trở về. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tuyên bố chị Lăng Thị T mất tích kể từ ngày 01/01/2007. Ngày 02/10/2016 anh Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lăng Thị T. Tại phiên toà anh

Nguyễn Văn L vẫn xác định anh và chị T không đăng ký kết hôn và đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Xét thấy, anh Nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới anh L và chị T sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện SD. Cuộc sống chung bình thường, năm 2006 chị T bỏ đi biệt tích từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã có hiệu lực pháp luật, chị T hiện nay đã mất tích.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Như vậy, anh Nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần xử không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị sinh được 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/8/2001 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/9/2004.

Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về quyền, nghĩa vụ vủa cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Ang L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Thị Thu H, các cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng anh L vì chị T đã bị tuyên bố mất tích. Xét đề nghị của anh L và nguyện vọng của các cháu là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp với điều 81 - Luật hôn nhân và gia đình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Thị Thu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 235; 266; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 - Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81 - Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí của Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Lăng Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/8/2001 và cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/9/2004 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002667 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/01/2017)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thanh Huyền